

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/ 4/2021

“V/v T/c thay đổi nuôi con chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Thân Văn Kỳ**

2. Ông **Võ Văn Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Thùy Dung**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Võ Liên Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 838/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2020 về việc tranh chấp “*Yêu cầu thay đổi nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn H**, sinh năm: 1979.

Nơi ĐKKH: Ấp X, xã K, huyện C, Tiền Giang.

Nơi sinh sống hiện nay: ấp M, xã Tr, huyện V, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, anh H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* Chị và anh Trần Văn H là vợ chồng, về con chung có 04 con chung, nhưng đã ly hôn theo quyết định số 63/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/03/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè. Theo nội dung quyết định về con chung giao hết 04 con chung gồm Trần Thị Lệ P, sinh ngày 01/12/2000, Trần Thị Thanh N, sinh

ngày 24/11/2001, Trần Thị Cẩm Q, sinh ngày 06/01/2007 và Trần Bảo S sinh ngày 05/11/2012 cho chị nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Năm 2020 anh H làm đơn xin thay đổi nuôi con tên Trần Bảo S sinh ngày 05/11/2012. Theo Quyết định số 153/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2020 chị và anh H thỏa thuận giao con tên Trần Bảo S sinh ngày 05/11/2012 cho anh H nuôi dưỡng.

Sau khi giao Trần Bảo S cho anh H nuôi, nhưng anh không trực tiếp nuôi mà gởi lại mẹ anh nuôi, anh đi làm về thường xuyên đánh đập con và Trần Bảo S thường xuyên bỏ về bên chị sống.

Nay chị yêu cầu thay đổi giao Trần Bảo S sinh ngày 05/11/2012 cho chị nuôi dưỡng

* Theo Tờ tự khai đề ngày 18/01/2021, bị đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị T đã ly hôn và giao con nuôi theo các Quyết định của Tòa án như lời chị T khai là đúng. Nhưng sau khi thay đổi giao Trần Bảo S cho anh nuôi dưỡng Theo Quyết định số 153/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2020 anh nuôi dưỡng con tốt bình thường. Chị T chỉ đến thăm con 01 lần. Nay anh không đồng ý theo yêu cầu thay đổi nuôi con của chị T.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

* Kiểm Sát Viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Nguyên đơn trình bày bị đơn không chăm sóc tốt cho cháu Trần Bảo S, không đưa rước cháu đi học, có hành vi đánh đập cháu nhưng nguyên đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Nguyên đơn không có nhà ở ổn định, hiện đang ở trọ cùng 02 con gái, cũng không chứng minh được thu nhập để có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con tốt hơn bị đơn. Mặt khác, từ khi anh H được giao nuôi dưỡng cháu S thì chị T cũng không có đến thăm nom cháu. Về nguyện vọng của cháu Trần Bảo S, Tòa án đã ghi lời khai của cháu về việc cháu muốn sống với ai nhưng khi có mặt cha cháu trình bày muốn ở với cha, khi có mặt mẹ cháu trình bày muốn ở với mẹ nên cần phải cân nhắc lại nguyện vọng của cháu.

Về phía bị đơn, anh H hiện sống cùng với mẹ tại nhà ở xã Thiện Trung, có bà nội phụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S và cháu đang học lớp 3 tại trường tiểu học

Thiện Trung, anh H có đất cho thuê và có thu nhập ổn định. Hiện anh vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho cháu tốt. Xét thấy, cần đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu S, để cháu có cuộc sống bình thường, ổn định, tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm lý cũng như việc học của cháu nên tiếp tục giao cháu cho anh H nuôi dưỡng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị T.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị T có đơn yêu cầu anh H giao con cho chị nuôi dưỡng, nên xác định đây là tranh chấp xin thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi việc nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần văn H là vợ chồng, anh chị có 04 con chung, nhưng đã ly hôn theo quyết định số 63/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/03/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè. Theo nội dung quyết định về con chung giao hết 04 con chung gồm Trần Thị Lệ P, sinh ngày 01/12/2000, Trần Thị Thanh N, sinh ngày 24/11/2001, Trần Thị Cẩm Q, sinh ngày 06/01/2007 và Trần Bảo S sinh ngày 05/11/2012 cho chị nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.1]. Năm 2020 anh H làm đơn xin thay đổi nuôi con tên Trần Bảo S sinh ngày 05/11/2012. Theo Quyết định số 153/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2020 chị T và anh H thỏa thuận giao con tên Trần Bảo S sinh ngày 05/11/2012 cho anh H nuôi dưỡng.

[2.2]. Tuy nhiên theo lời chị T khai sau khi thay đổi giao cháu S cho anh H nuôi dưỡng thì anh thường ngày đi làm, không trực tiếp nuôi con mà hàng ngày gửi cho mẹ anh H (bà nội cháu S) chăm sóc và cũng không cho chị đến thăm con và thường hay đánh đập con. Xét lời khai chị T là không có cơ sở vì chị không có chứng cứ chứng minh anh H không cho chị đến thăm con và đánh đập cháu S như lời chị khai, hơn nữa sau khi thay đổi giao cháu Trần Bảo S cho anh H nuôi dưỡng tốt và cháu S vẫn được anh H cho đi học bình thường và anh H chứng minh được thu nhập đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu S.

[2.3]. Đối với chị T hiện nay chị phải nuôi dưỡng 03 con chung trong đó có 02 con chưa thành niên, đồng thời hiện nay chị đi làm thuê, ở nhà trọ, thu nhập và chỗ ở chưa ổn định, xét về điều kiện nuôi dưỡng cháu S hiện nay anh H có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu hơn chị, do vậy cần đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu S và tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm lý cũng như việc học của cháu nên tiếp tục giao cháu S cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin thay đổi nuôi con của chị Nguyễn Thị Thanh T là phù hợp với các Điều 81 và 84 Luật HN-GD.

[3]. **Về án phí:** Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát Viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát Viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin thay đổi việc nuôi con của chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về án phí:

- Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004602 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN